

Số: **885**/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **08** tháng **6** năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chỉ số Cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành;  
Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2494/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2021 của  
Ủy ban nhân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số  
Cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện,  
thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Yên Bái về triển khai công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2022  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 170/TTr-SNV ngày 28  
tháng 4 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chỉ số Cải cách hành chính năm 2021 đối với các sở, ban,  
ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái (có các Phụ lục chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ kết quả Chỉ số Cải cách hành chính năm 2021, Thủ trưởng  
các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục  
phát huy những kết quả đạt được; đồng thời, tiến hành rà soát, đánh giá và  
nghiêm túc rút kinh nghiệm những tồn tại, hạn chế, những chỉ số còn thấp, từ đó, đề  
ra các giải pháp khắc phục để cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của cơ  
quan, đơn vị, địa phương trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng  
các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,  
thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *mh*

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh, Hội CCB tỉnh;
- Báo Yên Bái, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- Lưu VT, NC.

**CHỦ TỊCH**



*Trần Huy Tuấn*  
**Trần Huy Tuấn**



### Phụ lục 1

## KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Yên Bái)

TT	Tên đơn vị	Điểm tài liệu kiểm chứng (7 lĩnh vực: 65 điểm)	Điểm tài liệu kiểm chứng (6 lĩnh vực: 53 điểm)	Đánh giá tác động của CCHC (thông qua phiếu điều tra XHH): 25 điểm	Điểm Chỉ số hài lòng (thông qua phiếu điều tra XHH): 10 điểm	Tổng điểm đạt được (100 điểm)	Kết quả Chỉ số Cải cách hành chính (%)	Xếp hạng
1	Văn phòng UBND tỉnh		51.80	23.37		75.17	96.37	Thứ 1
2	Sở Giao thông vận tải	64.13		23.88	6.91	94.92	94.92	Thứ 2
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	61.66		23.85	8.45	93.96	93.96	Thứ 3
4	Sở Tài chính	60.79		23.71	8.44	92.94	92.94	Thứ 4
5	Sở Thông tin và Truyền thông	58.65		23.44	8.67	90.76	92.61	Thứ 5
6	Sở Nội vụ	59.95		23.95	8.62	92.52	92.52	Thứ 6
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	60.21		23.64	8.12	91.97	91.97	Thứ 7
8	Sở Tư pháp	59.70		23.75	7.60	91.05	91.05	Thứ 8
9	Sở Xây dựng	59.93		23.22	7.82	90.97	90.97	Thứ 9
10	Sở Khoa học và Công nghệ	57.00		23.39	8.63	89.02	90.84	Thứ 10





	Sở Công thương	58.31		23.28	8.54	90.13	90.13	Thứ 11
	Sở Cảnh sát Phòng vệ và Cảnh sát Trật tự		46.48	23.78		70.26	90.08	Thứ 12
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	59.38		23.59	7.10	90.07	90.07	Thứ 13
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	58.61		23.39	7.77	89.77	89.77	Thứ 14
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	57.56		23.25	7.79	88.60	88.60	Thứ 15
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	56.68		22.93	7.45	87.06	87.06	Thứ 16
17	Sở Y tế	55.09		23.92	7.91	86.92	86.92	Thứ 17
18	Ban Dân tộc	47.41		22.60	7.88	77.89	79.48	Thứ 18
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp	43.95		21.73	7.91	73.59	75.09	Thứ 19



**Phụ lục 2**

**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Yên Bái)*

TT	Tên đơn vị	Điểm tài liệu kiểm chứng (7 lĩnh vực: 65 điểm)	Đánh giá tác động của CCHC (thông qua phiếu điều tra XHH): 25 điểm	Điểm Chỉ số hài lòng (thông qua phiếu điều tra XHH): 10 điểm	Tổng điểm đạt được	Kết quả Chỉ số Cải cách hành chính (Tỷ lệ %)	Xếp hạng
1	Thành phố Yên Bái	62.88	24.42	8.135	95.44	95.44	Thứ 1
2	Huyện Văn Yên	62.85	23.07	8.03	93.95	93.95	Thứ 2
3	Huyện Trấn Yên	60.57	24.62	7.86	93.05	93.05	Thứ 3
4	Huyện Lục Yên	57.42	23.97	8.137	89.53	89.53	Thứ 4
5	Thị xã Nghĩa Lộ	56.23	23.96	7.65	87.84	87.84	Thứ 5
6	Huyện Yên Bình	57.04	23.07	7.09	87.20	87.20	Thứ 6
7	Huyện Văn Chấn	56.12	23.28	6.28	85.68	85.68	Thứ 7
8	Huyện Mù Cang Chải	55.00	22.66	7.90	85.56	85.56	Thứ 8
9	Huyện Trạm Tấu	54.29	22.95	7.95	85.19	85.19	Thứ 9